

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 9 NĂM 2021-2022 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Ngữ văn 9

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN NGỮ VĂN 9

NĂM HỌC 2021-2022

I. Phạm vi ôn giữa kì 1 lớp 9 môn Ngữ văn

Những tác phẩm truyện trung đại Việt Nam:

1. Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ
2. Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14) - Ngô Gia Văn Phái
3. Truyện Kiều của Nguyễn Du:
 - Chị em Thúy Kiều
 - Kiều ở lầu Ngưng Bích
4. Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu:
 - Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

II. Nội dung ôn thi giữa kì 1 Ngữ văn 9

1. Nhận biết, thông hiểu (4,0 điểm):

- Nhận diện phương thức biểu đạt chính, thể loại, đề tài.
- Ý nghĩa nhan đề, đặt nhan đề.
- Nội dung ý nghĩa văn bản, ý nghĩa chi tiết hoặc đoạn trích.
- Đặc điểm nhân vật qua chi tiết, sự việc cụ thể.

2. Vận dụng (2,0 điểm):

Xây dựng đoạn văn ngắn về một trong những nội dung sau:

- Đặc điểm bút pháp ước lệ, vịnh cảnh ngụ tình

- Tác dụng của một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản (đoạn trích): Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí (hồi 14).

- Cảm nhận về một chi tiết hoặc những dòng thơ, hình ảnh thơ.

3. Vận dụng cao (4,0 điểm):

Xây dựng đoạn văn có câu chủ đề về một trong những nội dung sau:

- Hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua dữ liệu cụ thể.

- Tình cảm nhân đạo được thể hiện qua những dòng thơ cụ thể ở hai đoạn trích: Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích.

4. Bài văn mẫu:

Đề 1: Phân tích nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương

Những cuộc chiến tranh vô nghĩa giữa các phe phái phong kiến ở thế kỉ 16 đã đẩy bao số phận, bao con người, bao gia đình vào hoàn cảnh éo le, đau thương, tan nát. Thấu hiểu tận lòng nỗi khổ ấy, Nguyễn Dữ đã viết về họ, đặc biệt là người phụ nữ với tấm lòng yêu thương và sự cảm thông sâu sắc. Đọc Chuyện người con gái Nam Xương trích trong Truyền kì mạn lục ta bắt gặp những gửi gắm đầy nhân văn của tác giả và hình ảnh thân phận bị chà đạp của người phụ nữ thời phong kiến.

Như chúng ta đã biết Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ đã làm xúc động bao thế hệ bạn đọc bởi những phẩm chất cao quý nhưng cuộc đời lại đầy oan trái của người con gái. Vũ Nương chính là nhân vật trung tâm của câu chuyện, nàng nổi bật với những nét phẩm chất tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam đảm đang, tháo vát, chung thủy và khát khao hạnh phúc gia đình. Những cái xã hội nam quyền khát khe đã đẩy cuộc đời nàng đến cảnh trái ngang, oan uất đầy bất hạnh.

Mặc dù sống trong xã hội phong kiến nhưng Vũ Nương luôn biết hi sinh cái của riêng mình để đạt được cái lớn hơn đó chính là một gia đình êm ấm, hoà thuận. Sau khi tiễn chồng đi bằng những lời mặn nồng, tha thiết, Vũ Nương ở nhà sinh con và nuôi con một mình. Nàng cũng hết mình chăm sóc và phụng dưỡng mẹ chồng, thuốc thang lễ bái và chôn cất mẹ chồng chu đáo khi mẹ chồng qua đời như đứa con để không so bì, phân tính thiệt hơn.

Trong mối quan hệ gia đình Vũ Nương luôn giữ gìn khuôn phép, ăn nói có chừng mực, cho dù năm tháng xa cách, nàng vẫn luôn giữ mình, giá sạch tiết trong. Bởi thế, khi bị Chương Sinh nghi ngờ Vũ Nương phụ bạc mình, Vũ Nương chỉ biết một mực kêu oan, cuối cùng nàng đã đến bến Hoàng Giang tự vẫn.

Nhưng trước đó, Chương Sinh đâu biết “người đàn ông” mà cậu bé Đản nói thật ra chính là cái bóng của chính Vũ Nương. Nguyễn Dữ đã thật tài tình khi xây dựng tình huống đầy éo le, kịch tính, tạo sự hồi hộp cho độc giả. Liệu Vũ Nương có được cứu thoát khỏi cuộc sống đau khổ như hiện tại hay không? Liệu nàng có giải oan được cho mình hay không?

Chúng ta biết khi Vũ Nương tự vẫn thì đã được Linh Phi cứu và hứa sẽ giúp cho nàng giải oan. Để giúp cho Vũ Nương giải oan, tác giả Nguyễn Dữ đã xây dựng nên một thế giới huyền ảo, một cây cầu nối hai bờ hư thực để nhân vật Phan Lang gặp lại và trò chuyện với Vũ Nương nơi chốn thủy cung. Vì còn lòng yêu thương Chương Sinh nên nàng đã nhờ Phan Lang nói cho Chương Sinh biết nếu muốn gặp lại nàng thì hãy lập đàn giải oan bên sông và kêu Phan Lang đưa kỉ vật của nàng cho Chương Sinh. Khi trở về nhân gian, Phan Lang đã làm đúng theo những gì Vũ Nương đã nói. Chương Sinh vốn đa nghi nên đã không tin nhưng khi thấy kỉ vật là cây châm của Vũ Nương thì Chương Sinh đã làm theo lời Phan Lang nói. Chương Sinh lập đàn giải oan bên bờ sông thì ngay lập tức Vũ Nương hiện lên trên bờ sông ngồi trên chiếc kiệu hoa và theo sau có hơn 50 chiếc xe cơ tán, võng lọng và rục rờ lúc ẩn lúc hiện. Vũ Nương chỉ nói một câu duy nhất: “Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng thiếp chẳng thể trở về trần gian được nữa”. Biết bao ý tình nhà văn Nguyễn Dữ đã gửi gắm và sự trở về chốc lát của Vũ Nương. Đó là sự trở về để khẳng định sự chung thủy, tình yêu thương, là món quà dành cho người biết hối lỗi như Chương Sinh. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, chốc lát vì con người đã ra đi mãi mãi không thể trở về, cũng như hạnh phúc một khi đã để tuột mất thật khó có thể lấy lại. Chương Sinh vì ghen tuông mù quáng nên đã đánh mất người vợ của mình.

Từ những phân tích trên, chúng ta thấy cuộc đời của Vũ Nương chẳng khác nào cánh bèo trôi nổi giữa dòng đời. Nàng đã bị đẩy vào tình huống dù giải thích thế nào chàng cũng không tin, nàng chỉ còn biết than khóc với trời xanh, sông rộng: “kẻ bạc này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thần sông có linh, xin ngài hãy chứng giám”.

Nói tóm lại, sự ra đi của Vũ Nương đáng thương biết bao để lại trong lòng người đọc bao niềm cảm thương, ngậm ngùi. Nhưng có lẽ đây là cách tốt nhất của tác giả để giải thoát cho số phận đau thương để cho Vũ Nương sống dưới thủy cung mới có thể tìm được hạnh phúc chính đáng và chốn nương thân che chở cho mình. Ngôi bút của Nguyễn Dữ đã mạnh dạn nêu ra và phê phán xã hội và nêu lên những nét đẹp từ phẩm chất cho người đương thời và mãi mãi về sau khâm phục, nâng niu và trân trọng.

Đề 2: Phân tích đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích

Dàn ý:

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích:

Tác phẩm “Truyện Kiều” là một tuyệt phẩm của tác giả Nguyễn Du. Ông đã đóng góp cho nền thi ca Việt Nam cổ đại một tác phẩm tuyệt vời có sức sáng tạo, vang xa tới nhiều thế hệ sau.

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một đoạn trích hay nó đã lột tả được tâm trạng của Thúy Kiều.

b. Thân bài:

- Giới thiệu qua về hoàn cảnh của Thúy Kiều vì đâu mà nàng lại có mặt tại lầu Ngưng Bích này.

- Sau khi gia đình lâm biến và bị Mã Giám Sinh dùng mưu hèn kế bẩn, gạt gẫm lừa tình rồi bị bán vào thanh lâu, Thúy Kiều đã định tự kết liễu đời mình, nhưng kế hoạch của nàng không thành công.

- Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người.

“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân

Vẽ non xa tấm trăng gần ở chung

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”

- Phân tích hai từ “khóa xuân” hai từ này đã gọi lên trong lòng người đọc rất nhiều cảm xúc chua chát.

- Không gian càng mênh mông tăm tối, mịt mù càng làm cho tâm trạng Thúy Kiều trở nên thê lương bi đát hơn bao giờ hết. Một cuộc sống bị giam cầm tù đày cả về tâm hồn, lẫn thể xác.

“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

- Hai từ “bẽ bàng” đã lột tả được mọi sự ê chề, đau đớn của Thúy Kiều, khi cô vừa bị Mã Giám Sinh lừa tình, rồi lại còn bị bán vào lầu xanh.

- “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” con người và cảnh vật đã thật sự hòa nhập vào làm một. Cảnh vật cũng như người đều mang cảnh u sầu, trống trải, cô đơn khắc khoải...

- Trong những câu thơ tiếp theo tác giả đưa nhịp bài thơ nhanh hơn, chuyển hướng tâm trạng của Thúy Kiều hồi tưởng lại những ngày xưa bình yên hạnh phúc.

“*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tâm son gột rửa bao giờ cho phai*”

- Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng mối tình đầu của nàng trong sự ê chề, bế bång, tủi nhục này người nàng nhớ về đầu tiên chính là chàng Kim Trọng, nhớ người đã thề hẹn ước nguyện với nàng.

“*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*”

- Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng nghĩ về những người sinh thành ra mình, cảm thấy xót xa.

- Tâm trạng của Thúy Kiều lại trở về với thực tại của đời mình, trở về với nỗi đau hiện thực:

“*Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*”

- Điệp từ “buồn trông” được nhắc đi nhắc lại trong khổ thơ. Nó như tâm trạng của Kiều lúc này, đúng là “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Câu thơ nói lên sự lênh đênh trên chặng đường đời nhiều sóng gió trước mặt Kiều. Nó nói lên sự phong ba, gập ghềnh mà Kiều sẽ phải đi qua:

“*Buồn trông sóng cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*”

c. Kết bài:

- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh được vẽ lên với những màu sắc xám lạnh, gợi tả tâm trạng vô cùng sống động, nhưng nó cũng nhiều thê lương ai oán.

- Phân tích bút pháp nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” của Nguyễn Du. Cảnh và người trong đoạn trích như hòa vào làm một.

Bài làm:

Truyện Kiều là kiệt tác văn học của thiên tài Nguyễn Du và của nền văn học Việt Nam. Tác phẩm không những thể hiện tài năng văn chương kiệt xuất của thi hào Nguyễn Du mà còn thể hiện tấm lòng yêu thương con người thiết tha của ông. Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thuộc phần Gia biến và lưu lạc, miêu tả nỗi buồn nhớ người yêu, nhớ cha mẹ, trong cảnh sầu thương, buồn tủi, cô đơn của nhân vật Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu ngưng bích. Đây là một trong những đoạn thơ miêu tả tâm lý xuất sắc nhất của Nguyễn Du trong tuyệt tác “Truyện Kiều”.

Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, tủi nhục, phẫn uất, nàng định tự tử. Tú Bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả chồng cho nàng về nơi tử tế. Tú Bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn. Lầu Ngưng Bích là một điểm dừng chân của Kiều trên con đường lưu lạc đầy máu và nước mắt, cay đắng và tủi nhục suốt 15 năm trời.

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân

Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia

Phong cảnh rất hữu tình, thơ mộng. Không gian được mở ra ba chiều, vừa có chiều xa, chiều cao, chiều rộng: “non xa”, “trắng gần”, “cát vàng cồn nọ”, “bụi hồng dặm kia”. Nghệ thuật liệt kê, đối lập tương phản “non xa”/”trắng gần”, đảo ngữ, từ láy “bát ngát” gợi không gian rộng ngợp, vắng lặng không một bóng người. Đối diện với cảnh ấy, Kiều cảm thấy trống trải cô đơn.

Cảnh hoang vắng, rợn ngợp, nhuộm màu tâm trạng. Khung cảnh mênh mông “bát ngát xa trông” nhưng lại thiếu vắng hơi ấm của con người. Chỉ có một mình Kiều cô độc, ngày đêm đối diện với chính mình. Bút pháp chấm phá đặc sắc, khung cảnh làm nền cho Kiều thổ lộ tâm tình. Thiên nhiên rộng lớn mà con người nhỏ bé, đơn côi.

Nàng đau buồn vì cảnh ngộ bị đày vào chốn lầu xanh, đau buồn vì bị giam giữ cô độc trước lầu Ngưng Bích hoang vắng:

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng

Bẽ bàng: Sự xấu hổ tủi thẹn với đèn khuya, mây sớm, với lòng mình và những người thân yêu, nỗi buồn đau không người chia sẻ. Chia tấm lòng: Sự ngổn ngang của tâm trạng không biết đi đâu về đâu.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Tin sương luống những rày trông mai chờ

Bên trời góc bể bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?

Nàng nhớ về đêm trăng thề hẹn: “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng”. Nhớ chàng Kim, nàng còn hình dung cảnh Kim Trọng đợi chờ tin nàng ở quê nhà mà thấp thỏm không yên: “tin sương luống những rày trông mai chờ”.

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai? biểu hiện tâm trạng đau đớn, xót xa bởi tấm lòng nhớ thương Kim Trọng không bao giờ nguôi quên, bởi hoàn cảnh bị dập vùi hoen ố, biết bao giờ gột rửa được. Câu thơ là một câu hỏi tu từ thể hiện sự dằn vặt đau khổ của nàng khi phải chia li với Kim Trọng. Dù có li biệt nhưng tình cảm của nàng đối với Kim Trọng vẫn thủy chung son sắt. “Tấm lòng son” ấy bất biến trước không gian và thời gian. Trong bi kịch tình yêu, Thúy Kiều có nỗi đau về nhân phẩm.

Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa?

Có khi gốc tử đã vừa người ôm

Xót thương cảnh ngộ cha mẹ ngày ngày tựa cửa ngóng trông. Nàng tưởng tượng cảnh nơi quê nhà tất cả đã đổi thay mà sự đổi thay lớn nhất là “gốc tử đã vừa người ôm”, nghĩa là cha mẹ ngày một thêm già yếu, hiện thời không ai người trông nom, mà mình lại ở xa không làm tròn bổn phận của người con. Tâm hồn cao đẹp của nàng luôn luôn lo nghĩ cho người khác trong lúc bản thân mình đang tan nát và đớn đau..

Các từ ngữ chỉ thời gian xa cách: “hôm mai”, “cách mấy nắng mưa”, các thi liệu, điển cố văn học Trung Hoa như “sân lai gốc tử” và thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” đã cực tả nỗi nhớ thương cha mẹ, nỗi đau buồn, tấm lòng hiếu thảo của Kiều, của đứa con gái đầu lòng đã không thể, không được chăm sóc phụng

đưỡng cha mẹ, khi song thân đã già yếu. Nguyễn Du đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại kết hợp hài hoà giữa phong cách cổ điển và phong cách dân tộc, tạo nên những vần thơ biểu cảm thể hiện một tâm trạng bi kịch, một cảnh ngộ đầy bi kịch của Thúy Kiều. Giọng thơ rung rung lên, nỗi đau của nàng Kiều như thấm vào cảnh vật, thời gian và lòng người...

Trong cảnh ngộ ở lầu Ngung Bích, Thúy Kiều là người đáng thương nhất, nhưng nàng đã quên cảnh ngộ bản thân để nghĩ về Kim Trọng, nghĩ về cha mẹ. Kiều là người tình thuỷ chung, người con hiếu thảo, người có tấm lòng vị tha đáng trọng.

Ở đây, Nguyễn Du đã miêu tả khách quan tâm trạng của Thúy Kiều vượt qua những định kiến của tư tưởng phong kiến: đặt chữ tình trước chữ hiếu. Trong cảnh ngộ khi ở lầu Ngung Bích, Kiều là người đáng thương nhất nhưng nàng vẫn quên mình để nghĩ đến người yêu, nghĩ đến cha mẹ. Đầu tiên Kiều nhớ Kim Trọng. Điều này phù hợp với quy luật tâm lý, vừa thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du khi thể hiện khách quan tâm cảnh của Kiều.

Nguyễn Du là người ngợi ca thiên diễm tình tự do từ khi chớm nở, sau này khi Kiều lâm nạn, ty dang dở, ông cũng là người thông cảm với những đổ vỡ, tan nát của một mối tình mà trái tim Kiều lúc nào cũng như chảy máu, vì đau thương và hối hận. Cho nên khi viết về tâm trạng nhớ thương của Kiều, ông đã đặt tình trước hiếu, đảo ngược trật tự của đạo lý phong kiến để Thúy Kiều trước hết nghĩ đến người yêu.

Mặt khác đối với cha mẹ, Thúy Kiều đã bán mình chuộc cha, ơn sinh thành đã có phần được đền đáp, còn đối với người yêu, Kiều vẫn coi mình là kẻ lỗi hẹn, bạc tình, khi Mã Giám Sinh làm nhục, lại bị ép phải tiếp khách làng chơi nên nỗi đau nhất của Kiều lúc này là “tắm son gột rửa bao giờ cho phai”.. Trong tâm cảnh như thế, khi một mình một bóng, Nguyễn Du đã để nàng trước hết nghĩ tới chàng Kim. Cụ thể khi thể hiện tính bi kịch của tâm hồn nhân vật, Nguyễn Du thật xứng đáng là một thiên tài.

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Buồn trông nội cỏ dầu dầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghé ngòi.

Chiều hôm là khoảng thời gian gợi buồn, cửa bể mênh mông lúc ngày tàn chiều hôm càng làm tăng nỗi buồn đau cô đơn của kiếp người lưu lạc, bơ vơ. Cánh buồm thấp thoáng lúc ẩn lúc hiện nơi cửa bể chiều hôm như một ảo ảnh đầy ám ảnh, gợi lên những hành trình lưu lạc mờ mịt không biết đâu là bến bờ, khát vọng trong lòng người tha hương nhớ về gia đình, quê hương, người yêu....

Cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa gợi thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Kiều nhìn cánh hoa trôi trên mặt nước mà cảm thương cho số phận hoa trôi bèo nổi của mình, vô định không phương hướng, bản khoán không biết cuộc đời mình sẽ ra sao? Phận người con gái như gió thổi đầu non, như hoa lạc giữa dòng, phận nhỏ mà nạn lớn, không biết bao giờ mới được đoàn viên. Càng nghĩ, Kiều càng đốn đau, vô vọng.

Nội cỏ rầu rầu, úa tàn héo hắt một màu xanh nhợt nhạt, trải rộng nơi chân mây mặt đất gợi cuộc sống úa tàn, bi thương, vô vọng kéo dài không biết đến bao giờ. Nhìn màu sắc tê tái thê lương ấy, Kiều đau tê tái khi nghĩ đến tương lai mờ mịt, héo tàn của mình không biết kéo dài đến bao giờ? Sắc cỏ dầu dầu ấy, nàng đã một lần nhìn thấy mới ngày nào trên nấm mồ Đạm Tiên:

Sè sè nấm đất bên đường

Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

Nhìn xa rồi nhìn gần, vừa “buồn trông” vừa lắng tai nghe. Nghe tiếng gió gào, gió cuốn mạnh làm cho sóng nước duềnh lên dữ dội, xô đập vào bờ hết lớp nọ đến lớp kia. Không phải sóng reo mà là “sóng kêu”. Gió và sóng đang bủa vây “xung quanh ghé ngòi”. Một tâm trạng cô đơn lẻ loi đang trải qua những giờ phút hãi hùng, ghê sợ, lo âu. Phải chăng âm thanh dữ dội ấy của gió và sóng là biểu tượng cho những tai họa khủng khiếp đang bủa vây, sắp giáng xuống số phận người con gái nhỏ bé, đáng thương?

Hình ảnh “gió cuốn mặt duềnh” và âm thanh ầm ầm của tiếng sóng “kêu quanh ghé ngòi” gợi tâm trạng lo sợ hãi hùng như báo trước, chỉ ngay sau lúc này, giông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều. Tâm trạng cô đơn, dự cảm hãi hùng về tương lai và số phận chìm nổi của Kiều. Đến đây, nàng gần như bán loạn tinh thần, hoàn toàn tuyệt vọng trước nghịch cảnh trở trêu.

Điệp ngữ “buồn trông” (buồn mà nhìn ra xa, buồn mà trông ngóng, mong đợi một điều gì đó mơ hồ, xa xôi) tạo một âm hưởng trầm buồn, khiến nỗi buồn bủa vây từ phía bao trùm lên cả không gian. “Buồn trông” đã trở thành điệp khúc của đoạn thơ và cũng là điệp khúc của tâm trạng buồn tê tái, đau thương,

cô đơn của nàng Kiều. Các cặp từ láy: xa xa, thấp thoáng, man mác, rầu rầu, xanh xanh, âm âm ... xô đẩy nhau như những con sóng tâm tư cuộn trào lên trong lòng người. Giọng thơ tha thiết nào nùng.

Kiều “buồn trông” mà lo âu sợ hãi về một cuộc đời đầy biến động, đầy cam bẫy, nhiều máu và nước mắt đang rình rập ở chặng đường đời phía trước. Và quả thực ngay sau lúc này, Kiều đã mắc lừa Sở Khanh để rồi phải lâm vào cảnh “thanh lâu hai lượt thanh y hai lần”

Hình ảnh tăng tiến càng lúc càng dữ dội. Đặc biệt là 8 câu cuối tiếng sóng ở đây không vỗ, không đập mà kêu, không đến từ một phía mà từ nhiều phía, không một kẻ hở nào. “Kêu quanh” gọi lên sự hãi hùng, sự dự báo về cuộc đời đầy sóng gió đang chờ đợi nàng Kiều ở phía trước.

Đây là tâm cảnh chứ không phải là ngoại cảnh, mỗi cảnh có một nét riêng nhưng đều là diễn tả một khía cạnh trong tâm trạng của nàng Kiều, cảnh nhuộm màu tê tái: cánh buồm nhỏ phía trời xa xăm vô định, cánh hoa lìa cành tan tác không biết đi đâu về đâu, những ngọn cỏ phai tàn héo úa và mặt duênh cuộn sóng hãi hùng.

Bằng nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “thấp thoáng”, “xa xa”, “man mác”, “rầu rầu”, “xanh xanh”, “âm âm”... vừa gọi tả màu sắc, hình ảnh, âm thanh lại vừa diễn tả tâm trạng con người. Điệp từ điệp ngữ liên hoàn nhấn mạnh, khắc sâu trạng thái vô vọng, cô đơn, bế tắc đến vô tận đang chao đảo trong tâm trạng của Kiều.

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du vô cùng điêu luyện. Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần; màu sắc từ nhạt đến đậm; âm thanh từ tĩnh đến động; nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Thiên nhiên thấm đẫm tâm trạng, bộc lộ tâm trạng theo quy luật tâm lí “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Mỗi câu thơ, mỗi hình ảnh, ngôn ngữ miêu tả thiên nhiên, miêu tả ngoại cảnh mang ý nghĩa và giá trị như một ẩn dụ, một tượng trưng về tâm trạng đau khổ và số phận đen tối của một kiếp người trong bể trầm luân.

Có thể nói đoạn thơ “Kiều ở lầu NB” như chứa đầy lệ: lệ của người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn lẻ loi, buồn thương chua xót vì mối tình đầu tan vỡ, xót xa vì thương nhớ cha mẹ, lo sợ cho thân phận, số phận mình; lệ của nhà thơ, một trái tim nhân đạo bao la đồng cảm, xót thương, chia sẻ cho nỗi đau của người thiếu nữ tài sắc, hiếu thảo mà bạc mệnh: “Tổ Như ơi! Lệ chảy quanh thân Kiều”

Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất của Truyện Kiều, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Đoạn thơ cho thấy cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tảm

lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều. Với đoạn thơ trên, Nguyễn Du đã đạt đến trình độ biện chứng tâm hồn. Nhà thơ thấu hiểu con người đến tận thẳm sâu tiềm thức, làm lộ rõ sự vận động bên trong tâm hồn đốn đau, khổ nhục của Thúy Kiều trong những ngày đầu lưu lạc phải chịu nhiều khổ nhục, đắng cay. Lời thơ xiết mạnh vào từng giác quan người đọc, khiến người đọc càng thêm cảm thương cho số kiếp bèo dạt mây trôi của thiếu nữ tài sắc vẹn toàn mà bất hạnh, từ đó làm toát lên tấm lòng cảm thương vô hạn của tác giả đối với kiếp người nhỏ bé trong xã hội phong kiến vốn tồn tại nhiều bất công.

2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9

2.1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 1

TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 3:

Có đất nước nào kì diệu đến thế không?

Trong hoạn nạn càng chở che đùm bọc

Cơn hồng thủy làm miền Trung phải khóc

Triệu trái tim cả dân tộc hướng về

Từ thị thành đến khắp các vùng quê

Đã cùng nhau nhường cơm sẻ áo

Những chai nước, thùng mì tôm, nhúm gạo

Đang gửi về vùng mưa bão miền Trung

(Luu Hương Quế - Nguồn Internet)

a, Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn thơ?

b, Nêu nội dung chính của đoạn thơ ?

c, Chỉ ra các biện pháp tu từ đã sử dụng trong bốn câu thơ in đậm?

PHẦN II: LÀM VĂN (8 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Từ đoạn thơ trong phần Đọc - hiểu đã gợi cho em những cảm xúc gì? Hãy ghi lại bằng một đoạn văn ngắn.

Câu 2: (6,0 điểm) Hãy tưởng tượng trong đợt bão lũ vừa qua tại các tỉnh miền Trung, em được tham gia cùng đoàn từ thiện vào vùng rốn lũ.... Hãy kể lại chuyến đi đầy ý nghĩa đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 9

I. ĐỌC HIỂU

- Đoạn văn trên được sử dụng phương thức biểu đạt: biểu cảm.
- Tinh thần nhường cơm sẻ áo, tương thân tương ái của người dân khắp mọi miền của tổ quốc dành cho miền Trung trong trận lũ lụt lịch sử....
- Các phép tu từ: ẩn dụ, câu hỏi tu từ, nhân hóa, hoán dụ

II. LÀM VĂN

Câu 1:

- Đảm bảo thể thức của một đoạn văn
- Xác định đúng đối tượng cần trình bày
 - Tinh thần đoàn kết, nhường cơm sẻ áo của mọi người dành cho miền trung thân yêu từ những điều nhỏ (chai nước, thùng mì tôm, nhúm gạo) đến những điều lớn lao là tình cảm dạt dào, sự sẻ chia kịp thời, sự chung tay góp sức, đoàn kết giúp đồng bào miền trung đẩy lùi bớt những khó khăn trước mắt.
 - Bản thân: Tự hào về tinh thần dân tộc....nhắc nhở chúng ta phải luôn trân trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống cao đẹp đó...
- Biết vận dụng cách viết sáng tạo, có cảm xúc...
- Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt

Câu 2:

Hãy tưởng tượng trong đợt bão lũ vừa qua tại các tỉnh miền Trung, em được tham gia cùng đoàn từ thiện vào vùng rón lũ... Hãy kể lại chuyến đi đầy ý nghĩa đó.

- HS biết viết một bài văn đúng thể loại (Tự sự , Kể chuyện tưởng tượng theo ngôi kể mới)
- Biết vận dụng và kết hợp một cách linh hoạt với các yếu tố miêu tả (miêu tả nội tâm), biểu cảm và nghị luận trong khi kể.

- Kể đúng ngôi kể thứ nhất (xung tôi)

- Thứ tự kể: Tùy chọn

a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn tự sự với đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài

b. Xác định đúng vấn đề tự sự. HS có thể kể một cách linh hoạt song cần đảm bảo các ý sau:

* Mở bài:

- Giới thiệu hoàn cảnh được tham gia chuyến đi làm từ thiện ở khu vực miền trung...

- Khái quát cảm xúc của em sau chuyến đi đó.

* Thân bài: Kể lại diễn biến của chuyến đi:

- Kể những công việc chuẩn bị cho một chuyến đi từ thiện (Sự đóng góp của mọi người...đối tượng tham gia chuyến đi...)

- Kể lại ấn tượng của em khi đến nơi đồng bào bị lũ lụt..như quang cảnh nơi em đến? cảm xúc của bản thân khi nhìn thấy cảnh tượng nơi em đến bị thiên nhiên tàn phá như thế nào? Cuộc sống thiếu thốn đủ thứ của người dân nơi đây? Khi em cùng mọi người tiếp cận, trao quà cho bà con vùng lũ, thái độ? Cảm xúc của em?...

- Một vài kỉ niệm khiến em nhớ mãi

- Kết thúc chuyến đi..

* Kết bài:

- Tình cảm và suy nghĩ của em sau chuyến đi thiện nguyện ấy

- Những ước mong,dự định...

c. Sáng tạo: có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện cái nhìn đẹp đẽ về người bà.

d. Chính tả, dùng từ, đặt câu đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

2.2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 2**TRƯỜNG THCS LÊ NGỌC HÂN****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 9****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****I. Phần đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thật ra, cuộc đời ai cũng có những lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cơ bản cực kỳ ngắn gọn: trước hết hãy tôn trọng người khác rồi sau đó, nghe theo chính mình. Hãy tôn trọng. Bởi cuộc đời là muôn mặt và mỗi người có một cách sống riêng biệt. Chẳng có cách sống này là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách tựa đề Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao. Tôi không biết nó đã được dịch ra tiếng Việt chưa, nhưng đó là một cuốn sách rất thú vị. Nó khiến tôi nhận ra rằng mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.

(...) Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu. Bạn biết mà cơ hội đó chính là cuộc đời này – một chớp mắt so với những vì sao. Bởi thế, đừng để mình cứ mãi xoay theo những tiếng ồn ào khác, hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim.

(Lắng nghe lời thì thầm con tim - Phạm Lữ Ân)

Câu 1: Xác định thao tác nghị luận chính của văn bản trên (0,5 điểm)

Câu 2: Theo tác giả “sống như mình muốn” là như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao tác giả nói: “Chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình” (1,0 điểm)

Câu 4: Điều anh/chị tâm đắc nhất trong văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

II. Phần làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về câu nói được đề cập trong phần đọc hiểu: “Bạn sinh ra là một nguyên bản đừng chết như một bản sao.”

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ Sóng của nhà thơ Xuân Quỳnh:

...Con sóng dưới lòng sâu,

Con sóng trên mặt nước,

Ôi con sóng nhớ bờ,

Ngày đêm không ngủ được,

Lòng em nhớ đến anh,

Cả trong mơ còn thức.

Dẫu xuôi về phương bắc,

Dẫu ngược về phương nam

Nơi nào em cũng nghĩ,

Hướng về anh - một phương.

(Ngữ văn 12, tập một, NXBGD - 2009, tr 155 - 156)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 9

I. Phần đọc hiểu

Câu 1:

Thao tác lập luận bình luận

Câu 2:

- “Sống như mình muôn”: làm điều mình tin, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu.

Câu 3:

- Cuộc đời con người rất ngắn ngủi nên mình không có cơ hội để sống lại cuộc đời mình lần thứ 2.

- Vì vậy hãy sống thật với chính mình, sống với những đam mê, khát vọng của mình, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao để khi từ giã cuộc đời này, mình không có điều gì phải hối tiếc.

Câu 4:

- Thí sinh chọn điều mình tâm đắc nhất và lý giải rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa với mình nhất.

- Có thể chọn: được sống là chính mình; sống như nguyên bản của mình; theo đuổi khát khao, mơ ước...

Lưu ý: cần lý giải hợp lý và thuyết phục, không vi phạm đạo đức, thẩm mỹ, pháp luật...

II. Phần làm văn

Câu 1:

* Giải thích:

- Mỗi người sinh ra là một nguyên bản: Mỗi người sinh ra là một cá thể riêng biệt, duy nhất, độc đáo; Đừng chết như một bản sao: đừng lặp lại, bắt chước, nói theo, nghĩ theo để trở thành bản sao của người khác

=> Ý nghĩa câu nói: cần giữ được bản sắc riêng của mình trong suốt hành trình cuộc sống.

* Bàn luận, chứng minh

- Trời sinh ra con người không ai giống ai. Vì vậy chúng ta phải giữ gìn những nét riêng của mình. “Sinh ra là duy nhất, đừng sống là bản sao”. Nếu mọi người đều nói đều nghĩ giống nhau thì cuộc sống sẽ mất đi sự phong phú, đa dạng và trở nên buồn tẻ, đơn điệu.

- Phê phán những người chạy theo thời đại mà đánh mất bản sắc của mình và những người chưa biết cách thể hiện cái riêng của mình.

- Tuy nhiên giữ gìn nét riêng không có nghĩa là cố gắng tỏ ra nổi bật hơn thiên hạ bằng những hành động lố lăng, quá khích, cũng không thể vì cái riêng của mình mà ảnh hưởng đến cái chung của mọi người.

* Bài học nhận thức và hành động:

- Mỗi người cần xác định lối sống đúng đắn để vừa dung hòa với cộng đồng vừa giữ được cá tính của mình.

- Chân thành với bản thân và mọi người xung quanh – đó chính là cách vừa giữ gìn cái riêng vừa tạo nên những mối quan hệ.

Câu 2:

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập Hoa dọc chiến hào.

* Vị trí đoạn trích:

* Sóng - Nỗi nhớ thủy chung trong tình yêu

- Âm hưởng cả đoạn thơ này là âm hưởng khẳng định, âm hưởng của niềm tin bất di bất dịch.

- Trong khổ thơ thứ 5, nỗi nhớ được diễn tả thật mãnh liệt, da diết hiển hiện trong mọi chiều kích của không gian, thời gian, trạng thái của cuộc sống. Hàng loạt các từ ngữ trái nghĩa có trong khổ thơ:

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

- Tình yêu luôn đi liền với nỗi nhớ, nó bao trùm cả không gian, khắc khoải trong thời gian, ăn sâu vào ý thức, tiềm thức và đi cả vào trong giấc mơ:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

-> Cái “thức” trong mơ ấy chính là sự thật nỗi lòng của người con gái đang yêu.

- Sự khát khao hướng về nhau, có nhau và sự bày tỏ niềm tin tuyệt đối vào lòng chung thủy được thể hiện thật dứt khoát qua các câu khẳng định tuyệt đối:

Dẫu xuôi về phương Bắc

Dẫu ngược về phương Nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hương về anh - một phương

- Trong trời đất có bốn phương, tám hướng nhưng không có phương nào là phương anh vậy mà trong tình yêu của người con gái lại có phương anh và chỉ hướng về một phương duy nhất ấy.

- Nhân vật trữ tình tự bạch chân thành mà mãnh liệt nỗi nhớ, khát vọng thủy chung, nỗi khao khát hướng về nhau, có nhau. Trạng thái tâm hồn ấy vừa mạnh mẽ vừa sâu lắng quyện hòa trong những quan sát và suy tư từ con sóng.

=> Tóm lại, có thể nói rằng hình tượng sóng đôi “sóng” và “em” đã bộc lộ được tâm trạng khát khao, nỗi nhớ da diết vừa trực tiếp lại vừa gợi cảm như những vòng sóng nối tiếp nhau cùng dội lại, cùng cộng hưởng và lan tỏa.

* Nghệ thuật:

- Thể thơ năm chữ; Cách ngắt nhịp linh hoạt

- Lời thơ vừa da diết ở chiều sâu cảm xúc vừa thâm đượm ý vị triết lý.

- Hình tượng “sóng” và “em”, phép điệp, nhân hóa, liệt kê, đối xứng,...

* Kết luận.

- Nêu cảm nhận về bài thơ Sóng

- Khái quát giá trị nghệ thuật: xây dựng thành công hình tượng “sóng”, ngôn từ, hình ảnh trong sáng bình dị, ...

- Nội dung: qua hình tượng sóng diễn tả tình yêu thiết tha, nồng nàn của người phụ nữ, Xuân Quỳnh đã thể hiện quan niệm tình yêu mới mẻ, hiện đại: sự chủ động của người phụ nữ trong tình yêu nhưng vẫn giữ được nét truyền thống.

2.3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 3

TRƯỜNG THCS NGUYỄN PHONG SẮC

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2,0 đ): Đọc các tổ hợp từ sau và trả lời theo yêu cầu bên dưới:

- Người sống đồng vàng.
- Còn người còn của.
- Gan vàng dạ sắt.
- Quý hơn vàng.

- a. Tổ hợp từ nào là thành ngữ?
- b. Cho biết nghĩa của thành ngữ đã tìm được?
- c. Đặt một câu có sử dụng thành ngữ đó?

Câu 2 (2,0đ):

Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái hay của khổ thơ kết thúc bài “Đồng chí” của Chính Hữu:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Câu 3 (6,0đ):

Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều thể hiện qua đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3**MÔN: NGỮ VĂN 9**

Câu 1: (2,0 điểm) Cần trả lời các ý sau:

- a. Tổ hợp từ gan vàng dạ sắt là thành ngữ (0.5đ)
- b. Nghĩa của thành ngữ này là: Biểu thị tinh thần kiên định, vững vàng (0.5đ).
- c. Đặt được câu sử dụng đúng thành ngữ trên, có dấu kết thúc câu (1,0đ). Ví dụ: Chiến sĩ ta gan vàng dạ sắt.

Câu 2 (2,0 điểm): Yêu cầu:

- Học sinh viết đúng hình thức đoạn văn cho (0,5đ)

- Về nội dung đảm bảo những ý sau (1,5đ)

+ Đây là đoạn kết bài thơ Đồng chí của Chính Hữu.

+ Trong cảnh “rừng hoang sương muối”, các anh bộ đội “đứng cạnh bên nhau” phục kích, chờ giặc. Trăng như đang treo trên đầu ngọn súng của các anh. Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” lung linh trong cảm hứng kết hòa hiện thực và lãng mạn, gợi lên bao liên tưởng và cảm nhận lí thú cho người đọc về: Súng và trăng, gần và xa, thực tại và thơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ... khổ thơ cho thấy bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội trong chiến đấu, đồng thời cho thấy vẻ đẹp lãng mạn trong tâm hồn anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

Câu 3 (6 điểm):

- Yêu cầu chung: HS viết bài văn nghị luận đủ 3 phần. Trong khi phân tích phải dẫn thơ và phân tích cả nội dung và nghệ thuật. Nếu không dẫn thơ mà chỉ kể chung chung trừ nửa số điểm của bài. Giáo viên khi chấm chỉ coi đây là định hướng chấm, cần linh hoạt cho điểm hợp lý.

- Yêu cầu cụ thể:

a. Mở bài (0,5đ)

- Giới thiệu Nguyễn Du và “Truyện Kiều”.

- Giới thiệu đoạn trích và vấn đề cần nghị luận: Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích.

b. Thân bài (5,0đ)

* Vị trí đoạn trích (0,5đ): Nằm ở phần 2 của “Truyện Kiều”, Tú Bà đưa Kiều ra sống một mình ở lầu Ngưng Bích thực chất là giam lỏng Kiều, rắp tâm chuẩn bị một âm mưu mới.

* Cửa bể chiều hôm, trước lầu Ngưng Bích, một mình Kiều trơ trọi, cô đơn (1,0đ): HS trích dẫn thơ và phân tích cả nội dung và nghệ thuật.

Không gian mênh mang (bốn bề bát ngát), cảnh tình tan tác, chia lìa (non xa - trăng ngần; cát vàng còn nọ - dặm hồng bụi kia), lòng người phụ bạc đã đẩy Kiều sa vào cảm xúc bế bång, bơ vơ.

* Nỗi nhớ của Kiều (1,0đ)

- Nàng xót xa, thương nhớ người yêu, thương nhớ cha mẹ.

- Nàng xót thương cho người yêu trước (Xót người... đó giờ), xót thương cho cha mẹ sau (Sân Lai... người ôm). Điều đó rất hợp với logic tâm trạng của nàng. Bởi vì để cứu nguy cho gia đình, nàng đã phải lổi thề với người yêu. Mặc cảm tội lỗi cứ đau đáu, đeo đẳng mãi trong tâm hồn nàng. Với ngôn ngữ độc thoại nội tâm, ta thấu hiểu nỗi nhớ của Kiều và càng trân trọng tấm lòng vị tha, hiếu nghĩa chung tình của nàng.

* Nỗi buồn của Kiều (2,0đ)

- Sau cảm xúc nhớ người yêu, cha mẹ, lòng Kiều lại hụt hẫng và nỗi buồn điệp điệp (Buồn trông... ghé ngòi). Cảnh như khơi như vẽ từng biến thái tinh tế trong điệu buồn riêng của nàng. (HS phân tích từng cặp câu thơ để làm nổi bật diễn biến tâm trạng của Kiều, đó là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, là nỗi buồn lênh đênh trôi dạt vô định như cánh hoa, là nỗi chán ngán triền miên mịt mờ, là nỗi lo sợ, hãi hùng như báo trước dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy vùi dập cuộc đời Kiều)

* Khái quát (0,5đ)

- Với bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tinh diệu, Nguyễn Du đã khắc họa thật rõ nét từng biến thái tâm trạng nỗi buồn đau đáu của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích, đồng thời cũng làm sáng lên tấm lòng thủy chung, đức tính hiếu thảo, rất đáng được trân trọng ở Thuý Kiều.

c. Kết bài (0,5đ)

- Suy nghĩ bản thân về tác giả và nhân vật.

- Liên hệ thực tế.

2.4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 4

TRƯỜNG THCS TRUNG NHỊ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Cho câu thơ: “Quê hương anh nước mặn đồng chua”

1. Câu thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

2. Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng. Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép.

3. Hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật có điểm nào giống nhau?

Câu 2:

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

[...] Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:

- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng ...

(Theo SGK Ngữ văn 9, tập 1)

1. Thế nào là cách dẫn trực tiếp, gián tiếp?

2. Tìm lời dẫn trong đoạn trích trên và cho biết đó là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp.

Câu 3:

Tưởng tượng em được gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật người lính lái xe trong bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Viết bài văn kể lại cuộc trò chuyện thú vị đó (có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 9

Câu 1:

1. Câu thơ trên trích từ tác phẩm “Đồng chí” của Chính Hữu

2. Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo cho hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 7 dòng:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,

Súng bên súng đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

- Khái quát nội dung của đoạn thơ vừa chép: Những cơ sở hình thành tình đồng chí.

3.

Những điểm giống nhau về hình ảnh người lính trong bài thơ này và bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật:

- Vượt qua mọi gian khổ, hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ.
- Tinh thần lạc quan, tin tưởng.
- Tình đồng chí, đồng đội gắn bó.
- Tình yêu quê hương, đất nước.

Câu 2:

1.

- Lời dẫn trực tiếp tức là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, lời dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép.
- Lời dẫn gián tiếp tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

2.

- Lời dẫn: Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chi e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp bản khoăn, mẹ hiền lo lắng ...

- Lời dẫn trực tiếp

Câu 3:

Yêu cầu hình thức:

- HS biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm, vận dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Mở bài: Giới thiệu hoàn cảnh gặp gỡ nhà thơ.

2. Thân bài:

- Kể lại tình huống được gặp gỡ, trò chuyện với người lính lái xe (Nhà trường tổ chức cho lớp đi thăm nghĩa trang Trường Sơn ngày 27-7. Ở đó, tôi được biết người quản trang chính là người lính Trường Sơn năm xưa...)

- Miêu tả người lính đó (ngoại hình, tuổi tác, ...)

- Kể lại diễn biến cuộc gặp gỡ và trò chuyện:

- Tôi hỏi bác về những năm tháng chống Mỹ khi bác lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

- Người lính kể lại những gian khổ mà bác và đồng đội phải chịu đựng: Sự khốc liệt của chiến tranh, bom đạn của kẻ thù là xe bị vỡ kính, mất đèn, không mui.

Người lính kể về tinh thần dũng cảm, về tư thế hiên ngang, niềm lạc quan sôi nổi của tuổi trẻ

- Chia tay người lính lái xe.

- Suy nghĩ về cuộc gặp gỡ, trò chuyện:

- Những câu chuyện người lính kể cho tôi nghe tác động rất nhiều đến suy nghĩ và tình cảm của tôi.

Tôi khâm phục và tự hào về thế hệ cha ông anh dũng, kiên cường đánh giặc và làm nên chiến thắng vẻ vang.

- Tôi thấm thía hơn giá trị thiêng liêng của chủ quyền tự do, độc lập mà dân tộc ta đã đổ bao xương máu mới giành được.

- Liên hệ với bản thân: phấn đấu học tập, tu dưỡng. ẽ trước bom đạn kẻ thù, trước khó khăn, gian khổ → Những suy nghĩ của bản thân (xen miêu tả nội tâm + Nghị luận)

3. Kết bài: Tổng kết vấn đề.

2.5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 5

TRƯỜNG THCS LONG BÌNH

ĐỀ THI GIỮA HK1**NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 9****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Tổ quốc bắt đầu từ đâu?**Từ bức tranh ta được xem ngày nhỏ**Từ những ngày bạn tốt vẫn cùng ta**Thường đi học và chơi chung một phố.**Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu**Từ bài hát mẹ ta ru âu yếm,**Từ những cái ta quyết giữ vẹn tròn**Cả trong giờ khó khăn nguy hiểm.**Tổ quốc bắt đầu từ đâu?**Từ chiếc ghé ta vẫn ngồi trước ngõ,**Từ cây phong đơn độc giữa cánh đồng**Khẽ chao nhẹ những lần có gió.**Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu**Từ bài hát đầu xuân con sáo hát**Từ con đường ven xóm nhỏ quanh co**Và biển mát trong sương chiều xanh nhạt.*

*Tổ quốc bắt đầu từ đâu?
 Từ ánh đèn nhà ai đang run rẩy,
 Từ chiếc mũ bó ta đội ngày xưa,
 Mà bắt chợt trong hòm ta lại thấy.
 Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu
 Từ tiếng gõ của con tàu mệt mỏi
 Từ lời thề mà thời trẻ yêu nhau
 Ta giữ kín trong tim, không dám nói.*

Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

(Tổ quốc bắt đầu từ đâu? M.L.Matusovski)

Câu 1: Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên. Trích dẫn ba câu thơ có sự xuất hiện hình ảnh nhân vật trữ tình.

Câu 2: Những hình ảnh “bức tranh ta được xem từ nhỏ”, “con đường ven xóm nhỏ quanh co”, “chiếc mũ bó ta đội ngày xưa”, “lời thề mà thời trẻ yêu nhau” đã gợi cho anh/chị những điều gì?

Câu 3: Dựa vào bài thơ trên, anh/chị hãy trả lời câu hỏi “Tổ quốc bắt đầu từ đâu?”

Câu 4: Điểm khác biệt và gặp gỡ trong quan niệm của Nguyễn Khoa Điềm qua câu thơ “Đất Nước có trong những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể” so với quan niệm của M.L.Matusovski qua hai câu thơ “Cũng có thể Tổ quốc được bắt đầu/ Từ bài hát mẹ ru ta âu yếm” là gì?

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ trong phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về vấn đề “Yêu nước bằng trái tim nóng và cái đầu lạnh”

Câu 2 (5,0 điểm)

*Những đường Việt Bắc của ta
 Đêm đêm râm rập như là đất nung*

*Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đổ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hòa bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

(Trích Việt Bắc - Tố Hữu)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét ngắn gọn về tính sử thi trong thơ Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1:

- Nhân vật trữ tình trong bài thơ là “ta” - tác giả/nhà thơ
- Trích dẫn chính xác 3 câu thơ có sự xuất hiện của nhân vật trữ tình

Gợi ý: Từ bức tranh ta được xem ngày nhỏ/ Từ những người bạn tốt vẫn cùng ta/ Từ bài hát mẹ ta âu yếm,...

Câu 2:

- Hình ảnh “bức tranh ta được xem từ nhỏ” gợi về kỉ niệm thời thơ ấu.
- Hình ảnh “con đường ven xóm nhỏ quanh co” gợi về những khung cảnh gần gũi, quen thuộc của làng xóm, quê hương.
- Hình ảnh “chiếc mũ bố ta đội ngày xưa” gợi về kỉ vật, gắn bó của người bố.

- Hình ảnh “lời thề mà thời trẻ yêu nhau” gợi về tình yêu thời trẻ.

Câu 3: Tổ quốc bắt đầu từ đâu?

- Tổ quốc được bắt đầu từ những gì nhỏ bé, thân thuộc nhất: một bức tranh, một con sáo, một bài hát...

- Tổ quốc được bắt đầu từ những gì gần gũi, quen thuộc nhất: cánh đồng, con đường ven xóm,...

- Tổ quốc được bắt nguồn từ những gì ý nghĩa nhất: lời hát ru, lời thề thời trẻ yêu nhau,...

Câu 4:

- Điểm gặp gỡ:

+ Tổ quốc bắt đầu từ những lời mẹ ru, lời mẹ kể

+ Tổ quốc ở trong những gì gần gũi, quen thuộc và ý nghĩa nhất trong mỗi chúng ta.

- Điểm khác biệt: Với Nguyễn Khoa Điềm, Đất nước có trong văn học dân gian, qua những câu chuyện cổ tích mẹ thường hay kể.

Phần II: Làm văn

Câu 1:

* Giải thích:

- “Trái tim nóng” là trái tim nồng nàn, chan chứa và tha thiết yêu thương, sôi sục nhiệt huyết.

- “Cái đầu lạnh” là cái đầu biết suy nghĩ, sáng suốt và tỉnh táo.

⇒ Yêu nước không chỉ cần một trái tim ấm nóng mà còn cần phải suy nghĩ tỉnh táo, sáng suốt.

* Lý giải:

- Vì sao lại cần có “trái tim nóng”: Để luôn tự hào về truyền thống quê hương, đất nước, để luôn sẵn sàng đấu tranh, bảo vệ, dựng xây quê hương, đất nước, để không thờ ơ, đứng đưng trước những hành động chống phá đất nước.

- Vì sao cần có “một cái đầu lạnh”: Để cần thể hiện tình yêu đất nước bằng những hành động, cách ứng xử đúng đắn nhất; để không thành “nạn nhân” của những hành động chống phá đất nước.

* Rút ra bài học nhận thức và hành động:

- Có những hành động thiết thực:

- + Quảng bá hình ảnh đất nước
- + Học tập để dựng xây đất nước
- + Không chia sẻ các bài viết, các trang mạng tiêu cực

Câu 2:

* Giới thiệu tác giả, đoạn trích, vị trí đoạn trích

* Cảm nhận về đoạn trích:

- Đoạn thơ khắc họa khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu: khí thế hào hùng, mạnh mẽ của khối đoàn kết toàn dân, toàn diện, của sự hòa quyện, gắn bó giữa thiên nhiên với con người. Từ đó mở ra viễn cảnh tươi sáng của ngày mai.

- Đoạn thơ thể hiện niềm vui chiến thắng của toàn dân, toàn quân. Niềm vui từ Việt Bắc tỏa đi mọi miền, rồi lại từ mọi miền hội tụ về Việt Bắc.

- Đoạn thơ được viết với bút pháp anh hùng ca, mang đậm màu sắc sử thi. Giọng thơ dào dạt, sáng khoải, những hình ảnh vừa bay bổng, vừa hùng tráng.

* Nhận xét về tính sử thi trong thơ Tố Hữu:

- Tính sử thi được Tố Hữu đề cập đến những vấn đề có tính lịch sử và tính chất toàn dân, tập trung khắc họa những bối cảnh rộng lớn với cảm hứng lịch sử, dân tộc; con người trong thơ Tố Hữu là con người tiêu biểu cho dân tộc, mang tầm vóc lịch sử và thời đại.

- Tính sử thi trong miêu tả đời sống kết hợp với một hồn thơ luôn hướng tới cái ta chung được thể hiện qua giọng điệu hào hùng, dồn dập tạo nên phong cách nghệ thuật độc đáo cho thơ Tố Hữu: tính chất trữ tình chính trị sâu sắc.

2.6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 6

TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I. Tiếng Việt: (2,0 điểm) Khoanh tròn các đáp án em cho là đúng:

Câu 1: Các thành ngữ: “nửa úp nửa mở, nói nước đôi” liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về chất
- B. Phương châm về lượng
- C. Phương châm quan hệ
- D. Phương châm cách thức

Câu 2: Khi chuyển đổi lời dẫn trực tiếp sang lời dẫn gián tiếp ta không cần lưu ý điều gì?

- A. Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép
- B. Có thể thêm “rằng” hoặc “là” trước lời dẫn
- C. Có thể lược bỏ 1 số từ ngữ không cần thiết
- D. Không cần lược bỏ từ ngữ nào

Câu 3: Các cụm từ sau cụm từ nào không phải là điển tích điển cố?

- A. Núi Vọng phu.
- B. Cỏ Ngưu mã.
- C. Lòng chim dạ cá.
- D. Ngọc Mị Nương.

Câu 4: Khi giao tiếp phải tuân thủ mấy phương châm hội thoại?

- A. Một
- B. Hai
- C. Bốn
- D. Năm

Câu 5: Từ “đầu” trong dòng nào sau đây được dùng theo nghĩa gốc?

- A. Đầu bạc răng long.
- B. Đầu súng trăng treo.

- C. Đầu non cuối bể.
- D. Đầu sóng ngọn gió.

Câu 6: Trong các từ sau từ nào là từ láy?

- A. Tươi tốt
- B. Rỗ rá
- C. Lao xao
- D. Bọt bèo

Câu 7: Thành ngữ nào có nội dung được giải thích như sau: dung túng, che chở cho kẻ xấu, kẻ phản trắc?

- A. Mỡ để miệng mèo
- B. Nuôi ong tay áo
- C. Éch ngồi đáy giếng
- D. Cháy nhà ra mặt chuột

Câu 8: Thành ngữ “ăn ốc nói mò” mang nét nghĩa nào trong những nét nghĩa sau?

- A. Nói nhảm nhí vu vơ
- B. Nói hồ đồ không có căn cứ
- C. Nói bịa đặt vu khống
- D. Nói ba hoa khoác lác

Phần II: Đọc hiểu văn bản (3đ)

Cho đoạn văn: “Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm, biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em thấy là nơi nương tựa an toàn thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội.”

(Theo SGK Ngữ văn 9 học kì I -NXB GD Việt Nam)

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Thuộc phần nào của văn bản?

- Đoạn văn có câu “Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do”. Theo em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là gì ?
- Nhận thức được tầm quan trọng của chăm sóc và bảo vệ trẻ em Đảng, nhà nước ta đã thể hiện sự quan tâm bằng những việc làm nào? (kể 2-3 việc làm cụ thể).
- Từ những nhiệm vụ đặt ra cho mọi người trong đoạn văn. Liên hệ với bản thân em, nếu chứng kiến ở đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ làm gì?

Phần III. Tập làm văn (5,0 điểm) Giới thiệu về chiếc quạt giấy - một đồ vật gần gũi trong cuộc sống con người.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 9

Phần I. Tiếng việt: (2,0đ)

* Yêu cầu: HS chỉ đúng các đáp án sau.

Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm sai không cho điểm:

Câu 1. D

Câu 2. D

Câu 3. C

Câu 4. D

Câu 5. A

Câu 6. C

Câu 7. B

Câu 8. A

II. Đọc – Hiểu văn bản (3 đ)

- Đoạn văn trích trong văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.” (0,25 đ) Đoạn văn thuộc phần cuối của văn bản (phần nhiệm vụ). (0,25 đ)
- Em hiểu “một cuộc sống có trách nhiệm” của trẻ em là: Trẻ em tự ý thức được các suy nghĩ, hành động, việc làm của mình một cách đúng đắn theo chuẩn mực đạo đức xã hội. Biết tự điều chỉnh bản thân,

biết yêu thương chia sẻ... với người khác, không chỉ sống cho riêng mình mà còn cho gia đình, xã hội. (0,5đ)

3. Những việc làm của Đảng, nhà nước ta: xây dựng những nhà văn hóa thiếu nhi, những làng trẻ SOS, những trường học, bệnh viện nhi, tổ chức cho trẻ vui tết trung thu hàng năm, vui ngày quốc tế 1/6... (0,5đ)

4. Bản thân em nếu chứng kiến đâu đó trong cuộc sống những hành vi ngược đãi, bạo hành đối với trẻ em, lúc ấy em sẽ:

- Lên tiếng đấu tranh, giải thích cho họ hiểu đó là hành vi vi phạm quyền trẻ em (0,5đ)
- Gọi những người xung quanh đến can thiệp. (0,5đ)
- Tìm cách báo cho chính quyền địa phương gần nhất. (0,5đ) -> Học sinh có thể có cách xử lý phù hợp vẫn cho điểm

Phần III. Tập làm văn: (5,0 điểm)

*** Yêu cầu chung: (0,5 điểm)**

- Bài văn phải bám sát thể loại thuyết minh.
- Biết kết hợp sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả phù hợp, sinh động.
- Văn phong diễn đạt trôi chảy, ngôn ngữ trong sáng, giàu cảm xúc.

Yêu cầu cụ thể: HS cần đảm bảo được các ý sau:

a. Mở bài: giới thiệu rõ vai trò, ý nghĩa của cái quạt giấy trong đời sống người Việt Nam. (0,25 điểm)

b. Thân bài: Lần lượt giới thiệu các nội dung: nguồn gốc, họ hàng, đặc điểm cấu tạo, công dụng và giá trị sử dụng của quạt giấy. Cụ thể:

- Nguồn gốc: Có lẽ quạt giấy xuất hiện từ rất xa xưa khi con người không chỉ có nhu cầu làm mát mà còn làm duyên, làm dáng. Nó vừa gọn nhẹ vừa đòi hỏi bàn tay người thợ thủ công khéo léo chứ không quá đơn giản như quạt lá, quạt mo. (0,5 điểm)

- Chủng loại: Quạt giấy cũng có nhiều loại, phù hợp với từng đối tượng sử dụng. Thông dụng nhất là quạt giấy dành cho các bà các mẹ đi chợ, đi làm, hay lên chùa cúng phật; quạt thóc, quạt lúa cho bà con nông dân mỗi độ mùa màng. Bên cạnh đó còn có cả quạt giấy dành cho công tử cô nương con nhà giàu; quạt dành cho biểu diễn nghệ thuật; quạt dành để trang trí phòng khách (0,5 điểm)

- Cấu tạo thông thường quạt giấy gồm hai phần:

+ Phần nan: (Phần khung) Thường làm bằng nứa hoặc tre chẻ mỏng, vót nhọn. Thông thường mỗi chiếc quạt giấy có 15->17 nan quạt (dè quạt), hai nan ngoài cùng gọi là nan cái to và chắc chắn hơn. Trung bình nan quạt dài từ 25->30 cm một đầu được gắn với nhau bằng đinh vít giúp quạt xoè ra hình bán nguyệt hoặc gấp lại dễ dàng. (0,5 điểm)

+ Phần giấy: là phần quan trọng tạo nên giá trị của quạt; gồm hai lớp giấy dính với nhau thông qua lớp hồ dán, đồng thời ôm khít phần nan ở giữa. Người ta thường chọn loại giấy vừa bóng, đẹp vừa bền dai. Trên bề mặt in đủ các hình ảnh đẹp mắt như phong cảnh quê hương hay bài thơ trữ tình hoặc những hình rồng phượng... sao cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Ngày nay quạt giấy còn được cách tân làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như vải lụa, von mềm hoặc làm bằng gỗ ép, nhựa cao cấp với đủ màu sắc sặc sỡ, diêm dúa khác nhau. (1 điểm)

- Giá trị sử dụng: Quạt sinh ra chủ yếu để làm mát cho con người, thế nhưng giá trị của nó lại rất lớn. Nó được coi là đồ vật vừa tiện ích, vừa gọn nhẹ, đồng hành cùng con người trong những ngày nắng nóng. Con người đi bất cứ nơi đâu quạt cũng đi theo làm bạn, giúp con người vui đi bao vất vả mệt nhọc, đỡ đần con người quạt thóc rê lúa được sạch hơn. Quạt còn là đồ vật làm duyên cho các cô thôn nữ, tôn thêm vẻ đẹp cao sang quý phái cho các công tử cô nương con nhà quyền quý. Quạt còn giúp cho các điệu múa thêm nhịp nhàng uyển chuyển, tôn thêm vẻ thâm trầm cổ kính cho phòng khách. Quạt còn dùng làm vật lưu niệm làm quà tặng nhau mỗi khi con người đi xa, về gần. (1 điểm)

- Bảo quản quạt dễ dàng, đơn giản. Khi sử dụng cần nhẹ nhàng, tránh làm rách giấy hoặc gãy nan quạt, sử dụng xong gấp lại cẩn thận, cất nơi khô ráo để quạt dùng được bền lâu. (0,5 điểm)

c. Kết bài: Nhấn mạnh giá trị, sự tiện ích của quạt giấy trong cuộc sống hiện tại. (0,25 điểm)

2.7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 7

TRƯỜNG THCS TÔ HOÀNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

Đọc đoạn văn sau:

CHIẾC BÁT VỠ

Ở thành phố kia có một bác thợ rèn, bác có một người con trai duy nhất. Anh vừa đẹp trai vừa giỏi giang khiến bác rất tự hào.

Một ngày nọ, người con trai bị tai nạn xe hơi, tuy giữ được tính mạng nhưng lại bị mất cả hai chân. Tuyệt vọng, hàng ngày anh ngồi ủ rũ trong phòng, im lặng nhìn ra cửa sổ.

Một lần, vì quá đau khổ, anh tìm cách tự tử bằng cách uống thuốc ngủ, nhưng may thay cha anh kịp thời phát hiện đưa anh tới bệnh viện, cứu anh qua cơn nguy kịch.

Một ngày sau người con trai tỉnh, bác thợ rèn mang đồ ăn tới cho con. Anh con trai tức giận hất đổ khay đồ ăn, rồi chỉ chiếc bát vỡ dưới nền, nói:

- Cha à, cha cứu con làm gì, cuộc đời con giờ như chiếc bát vỡ kia rồi, mãi mãi không lấy lại được nữa!

Người cha già tội nghiệp lặng lẽ xoa đầu người con trai, vỗ về rồi giúp anh nằm nghỉ. Xong ông dọn dẹp những thứ dưới đất, đôi mắt ông đỏ hoe.

Một tuần sau anh được đưa về nhà. Anh thấy trên bàn mình có một chiếc bát sắt. Anh lấy làm lạ lắm.

- Con có biết nguồn gốc chiếc bát sắt này không, con trai?

- Ý của cha là...? – Anh áp úng nói.

- Chính là chiếc bát sành hôm trước đó con, cha cho nó vào lò nung, cho thêm sắt nữa, rồi đúc, thế là nó trở thành chiếc bát sắt này đó con.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Tìm phương ngữ Nam tương ứng với từ “bát” trong câu văn “Anh thấy trên bàn mình có một chiếc bát sắt”

Câu 3. “Con có biết nguồn gốc chiếc bát sắt này không, con trai?”

- Ừm...ý cha là? - Anh áp úng nói”.

Trong đoạn hội thoại trên, người con đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao?

Câu 4. Em rút ra được bài học gì từ câu nói: “Chính là chiếc bát sành hôm trước, cha cho nó vào lò nung, cho thêm sắt nữa, rồi đúc, thế là nó trở thành chiếc bát sắt này đó con”?

II. TẬP LÀM VĂN

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của tác giả Nguyễn Dữ (Ngữ văn 9 tập 1 – NXBGDVN 2016)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 9

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu 1.

- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2.

- Phương ngữ Nam ứng với từ “bát” là từ “chén”.

Câu 3.

- Cậu con trai vi phạm phương châm cách thức.

- Vì: cậu con trai nói ngập ngừng, ấp úng.

Câu 4.

Gợi ý bài học rút ra từ câu nói của người cha:

- Sống phải luôn có khát vọng, không ngừng vươn lên.

- Phải sống có bản lĩnh, nghị lực, ý chí kiên cường để không gục ngã trước khó khăn.

II. TẬP LÀM VĂN

a. Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu nội dung:

* Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận: nhân vật Vũ Nương người con gái thùy mị nét na, tư dung tốt đẹp, người vợ hiền con thảo nhưng bị hàm oan phải tự tử để bảo vệ danh tiết.

* Thân bài: Cảm nhận về đẹp của nhân vật Vũ Nương

- Về đẹp phẩm chất:

+ Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thùy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung người phụ nữ tài sắc vẹn toàn.

+ Sau đó ông đi sâu miêu tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật.

- Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắt:

+ Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa” => một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực.

+ Khi chồng đi lính: Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”.

=> Ước mong thật bình dị, lời lẽ dịu dàng, ân cần -> chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phù phiếm.

+ Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.”

+ Qua lời nói dịu dàng, nàng cũng bộc lộ nỗi khắc khoải nhớ chồng của mình: “Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”.

=> Trái tim ấy giàu lòng yêu thương, biết chịu đựng những thử thách, biết đợi chờ để yên lòng người đi xa, thật đáng trân trọng biết bao!

+ Khi xa chồng, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thổn thức “Giữ trọn tâm lòng thủy chung, son sắt”, “tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bẽ chân trời không thể nào ngăn được”.

=> Tâm trạng cô đơn, khắc khoải, nỗi nhớ thương da diết.

=> Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

+ Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: ra sức cứu vãn, hàn gắn.

+ Khi sống dưới thủy cung: vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con.

- Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo, một người mẹ đảm đang, yêu thương con hết mực

- Trong ba năm chồng đi lính, một mình nàng nuôi dạy con thơ, phụng dưỡng mẹ chồng

- Với mẹ chồng, nàng là một cô con dâu hiếu thảo:

+ Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con.

+ Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình.

+ Lời của người mẹ trước lúc chết thể hiện sự yêu thương, trân trọng đối với con dâu: “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ”.

- Với con thơ, nàng hết sức yêu thương, chăm chút:

+ Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ, để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

- Số phận oan nghiệt, bất hạnh:

+ Là nạn nhân của chế độ nam quyền, một xã hội mà hôn nhân không có tình yêu và tự do: Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng để cưới Vũ Nương.

+ Nàng lấy Trương Sinh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc kéo dài chưa được bao lâu thì chàng phải đi lính để lại mình Vũ Nương với mẹ già và đứa con còn chưa ra đời.

+ Suốt ba năm, nàng phải gánh vác trọng trách gia đình thay chồng.

+ Chiến tranh đã làm xa cách, tạo điều kiện cho sự hiểu lầm nảy sinh. Đó cũng là ngòi nổ cho thói hay ghen, đa nghi của Trương Sinh nảy nở, phát triển, dẫn đến cái chết oan uổng của Vũ Nương.

- Đỉnh điểm của bi kịch là khi gia đình tan vỡ, Vũ Nương phải tìm đến cái chết:
- + Nghe lời ngây thơ của con trẻ “Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.” Trương sinh đã nghi oan cho vợ, mắng nhiếc, đánh đuổi nàng đi bất chấp lời van xin khóc lóc của nàng và lời biện bạch của hàng xóm.
- Bé tắc, Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết để giải nỗi oan ức, bảo toàn danh dự của mình.
- Cái kết thúc tưởng là có hậu nhưng thực chất chỉ đậm tô thêm tính chất bi kịch của cuộc đời Vũ Nương: “Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa...lúc ẩn, lúc hiện...Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.”
- + Có thể coi đây là một kết thúc có hậu, thể hiện niềm mơ ước của tác giả về một kết thúc tốt lành cho người lương thiện, niềm khát khao một cuộc sống công bằng nơi cái thiện cái đẹp sẽ chiến thắng cái xấu, cái ác.
- + Nhưng sâu xa, cái kết thúc ấy không hề làm giảm đi tính chất bi kịch của tác phẩm. Sau giây phút đó, nàng vẫn phải trở về chốn thủy cung, gia đình li tán. Hạnh phúc lớn nhất đời người đàn bà ấy là được sum họp bên chồng bên con nhưng cuối cùng vẫn không đạt được. Sự trở về trong thoáng chốc và lời từ biệt của nàng đã hé ra sự thực cay đắng là cái nhân gian đầy oan nghiệt, khổ đau này không có chốn dung thân cho người phụ nữ vì thế mà “Thiếp chẳng thể trở lại chốn nhân gian được nữa”.
- => Tuy có những phẩm chất tâm hồn đáng quý nhưng Vũ Nương đã phải chịu một số phận cay đắng, oan nghiệt. Cuộc đời của Vũ Nương chính là tiếng nói tố cáo xã hội phong kiến bất công phi lí đương thời chà đạp lên hạnh phúc của con người.
- => Xây dựng hình tượng Vũ Nương, một mặt nhà văn ngợi ca những phẩm chất tâm hồn đáng quý của người phụ nữ xưa, mặt khác thể hiện thái độ cảm thông thương xót cho số phận bất hạnh của họ và cực lực lên án xã hội phong kiến đương thời bất công, phi lí chà đạp, rẽ rúng con người đặc biệt là người phụ nữ.
- Tố cáo sâu sắc xã hội phong kiến với những hủ tục, lễ giáo đã chà đạp lên thân phận người phụ nữ.
- Ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ và bày tỏ niềm xót thương, cảm thông đối với họ.
- * Kết bài: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.

2.8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 8

TRƯỜNG THCS VÂN HỒ

ĐỀ THI GIỮA HK1**NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 9****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****I. Phần I: Đọc hiểu**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

NGƯỜI ĂN XIN

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay nóng hổi của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông.

(Theo Tuốc- ghê- nhép)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Văn bản Người ăn xin liên quan đến phương châm hội thoại nào? Vì sao?

Câu 3. Lời của các nhân vật trong câu chuyện trên được trích dẫn theo cách nào? Chỉ rõ dấu hiệu nhận biết.

Câu 4. Vì sao người ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó?

Câu 5. Bài học rút ra từ văn bản trên?

II. Phần II: Làm văn

Câu 1. Viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình yêu thương con người.

Câu 2. Cảm nhận của em về tám câu thơ cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du, Ngữ văn 9, tập 1).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 9

I. Phần 1: Đọc hiểu

Câu 1.

- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự.

Câu 2.

- Văn bản Người ăn xin liên quan đến phương châm hội thoại lịch sự.

- Vì cả hai nhân vật đều dùng cách thức tôn trọng, lịch sự trong giao tiếp với người đối thoại với mình.

Câu 3.

- Lời của các nhân vật trong câu chuyện trên được trích dẫn theo cách trực tiếp.

- Dấu hiệu nhận biết: Lời nói được đặt sau dấu 2 chấm và dấu gạch ngang đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

Câu 4.

- Nhân vật “tôi” nhận được lời cảm ơn từ ông lão, đồng thời nhận được bài học sâu sắc: Sự đồng cảm, tình người, sự quan tâm, chia sẻ có giá trị hơn mọi thứ vật chất, của cải khác.

Câu 5.

Các bài học rút ra từ văn bản:

- Sự quan tâm, lòng chân thành chính là món quà tinh thần quý giá nhất đối với những mảnh đời bất hạnh, nó vượt lên trên mọi giá trị vật chất khác.

- Phải biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm với hoàn cảnh, số phận của người khác.

- Khi cho đi cũng chính là lúc ta nhận lại.

II. Phần 2: Làm văn

Câu 1:

1. Giới thiệu vấn đề: ý nghĩa tình yêu thương.

2. Giải thích

Tình yêu thương có thể hiểu là sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ những người xung quanh mình trong cuộc sống.

=> Tình yêu thương có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi chúng ta.

3. Bàn luận vấn đề

- Biểu hiện tình yêu thương: trong gia đình quan tâm, giúp đỡ ông bà, cha mẹ; ngoài xã hội: sẵn sàng giúp đỡ những người có số phận bất hạnh, những người gặp khó khăn.

- Ý nghĩa tình yêu thương.

+ Mang đến niềm tin, sức mạnh cho những người gặp khó khăn.

+ Là ánh sáng soi đường cho những con người lầm đường, lạc lối.

+ Là cơ sở xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người.

- Dẫn chứng minh họa.

- Bên cạnh đó phê phán những kẻ sống thờ ơ, vô trách nhiệm, chỉ biết nghĩ đến lợi ích cá nhân.

4. Tổng kết vấn đề

Câu 2:

Yêu cầu hình thức:

- Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng làm nghị luận văn học để tạo lập văn bản.

- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

Yêu cầu nội dung:

1. Giới thiệu chung

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du, đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.

- Khái quát nội dung tám câu thơ cuối.

2. Phân tích, cảm nhận

- Điệp từ “buồn trông” khởi đầu cho 4 cặp lục bát đã tái hiện nỗi buồn triền miên bao trùm tâm hồn nhân vật, thấm sâu vào cảnh vật.
 - Đó là nỗi buồn cho thân phận lênh đênh, nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều:
 - + Tạo dựng sự tương phản: Không gian cửa biển lúc triều dâng >< Cánh buồm thấp thoáng, nhạt nhòa; cánh hoa tàn lụi man mác trôi trên dòng nước.
 - Tô đậm cái nhỏ bé, bơ vơ của cánh buồm, bông hoa.
 - + Hình ảnh ẩn dụ: “thuyền ai”, “hoa” -> ẩn dụ cho thân phận của Thúy Kiều đang trôi dạt giữa dòng đời.
 - + Câu hỏi “về đâu” → sự lạc lõng, mất phương hướng, không biết sẽ đi đâu về đâu của nàng.
 - + Thời gian “chiều hôm” lại càng làm cho nỗi buồn thân phận thêm sâu sắc.
 - Là cảm giác cô đơn, lẻ loi khi đối diện với không gian mặt đất quanh lầu Ngưng Bích.
 - + Hình ảnh: “nội cỏ”, “chân mây”, “mặt đất” → cái vô cùng, vô tận của đất trời.
 - + Từ láy “rầu rầu”: nhân hóa nội cỏ, vẽ lên một vùng cỏ cây vẻ ủ rũ, héo tàn → gợi sự tàn úa, u buồn của lòng người.
 - + Từ láy “xanh xanh”: gợi sắc xanh nhạt nhòa của nội cỏ, mặt đất chân mây; sắc xanh như che phủ, chia cắt tất cả.
 - Từ ngữ, hình ảnh cho thấy dấu có kiếm tìm nhưng dường như trong vũ trụ bao la này Thúy Kiều không thể tìm được một dấu hiệu thân quen nào, một hơi ấm nào.
 - Đối diện với một không gian như vậy Thúy Kiều càng thấm thía hơn bao giờ hết sự nhỏ nhoi, đơn độc của mình.
 - Nỗi trợ trợ, hãi hùng:
 - + Thiên nhiên dữ dội và đầy biến động: gió giật dữ cuốn mặt duềnh, sóng ầm ầm vỗ ào ạt khi thủy triều lên.
 - + Thậm chí, Kiều cảm giác những đợt sóng dữ dội kia đang bủa vây, kêu réo ngay bên mình.
 - + Thiên nhiên là ẩn dụ cho dự cảm về những biến cố kinh hoàng sắp sửa ập xuống cuộc đời nàng. Những con sóng của số phận đang bủa vây, đe dọa người con gái lẻ loi, đơn độc nơi đất khách này.
- => Linh cảm trước tương lai khiến Thúy Kiều càng lo sợ, hãi hùng.

=> 8 câu cuối cảnh được miêu tả theo trình tự: xa → gần, màu sắc: nhạt → đậm, âm thanh: tĩnh → động.

* Gợi:

- Nỗi buồn đau, lo âu, kinh sợ chôn chắt trong lòng Thúy Kiều.
- Sự mong manh, lẻ loi, trôi dạt, bế tắc trong thân phận nàng.
- Sự tuyệt vọng, yếu đuối nhất.

3. Tổng kết vấn đề.

2.9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 9

TRƯỜNG THCS LÊ THÁNH TÔN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 9

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“(1) Tôi năm nay 27 tuổi, là nữ, độc thân, trước nay đều tìm niềm vui từ công việc, học tập. Tôi tốt nghiệp một đại học có tiếng ở Hà Nội, ngành Kinh tế, có thể làm việc bằng tiếng Nhật. Hai năm đầu mới ra trường, tôi có công việc khá ổn định tại công ty sản xuất lớn. Tôi muốn phấn đấu nên đã tìm cơ hội mới. Tuy nhiên, mọi thứ không như tôi mong muốn.

(2) Ba năm trở lại đây, công việc có nhiều biến cố, tôi phải hai lần thay đổi công việc. Cho tới giờ tôi làm việc tại một văn phòng công ty nước ngoài, công việc nhàm chán, đồng nghiệp chỉ có một sếp và giám đốc kỹ thuật. Tôi đã làm được một năm, nhưng không hề yêu môi trường này. Tôi nhận thấy ở đây không có tương lai, không có động lực phấn đấu.

(3) Tôi biết mình sẽ nghỉ trong thời gian tới nhưng quan trọng tôi không có định hướng gì cho tương lai, không rõ mình muốn làm gì tiếp. Năm năm với ba công ty, nghiệp vụ khác nhau và tôi không biết mình có nghề gì trong tay. Tôi rất bế tắc và đang nghĩ tới việc nghỉ việc, đi học thêm tiếng Anh.

(4) Tôi đã dành đủ tiền cho việc trang trải học tập trong vòng một năm nhưng vẫn đầy lo lắng, sợ hãi về tương lai, công việc sắp tới. Đặc biệt, nỗi lo sợ bắt đầu ở tuổi 28 và lại là nữ giới,... Rất mong nhận được những chia sẻ, ý kiến tư vấn từ bạn đọc VnExpress. Cảm ơn mọi người nhiều!”

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên

Câu 2: Trong đoạn văn (2), tác giả đã đưa ra những lý do nào khiến bản thân không còn động lực phấn đấu trong công việc?

Câu 3: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn (3).

Câu 4: Anh/chị hãy đưa ra lời khuyên giúp tác giả thoát khỏi tâm trạng “lo lắng, sợ hãi về tương lai”.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về: Tuổi trẻ trước những cơ hội mới.

Câu 2 (5,0 điểm)

Bàn về hình tượng nhân dân trong đoạn trích Đất nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm), có ý kiến cho rằng vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân là sự bình dị, gần gũi, thân thiết. Lại có ý kiến nhấn mạnh, vẻ đẹp sâu xa của hình tượng này là sự lớn lao, cao cả, phi thường. Từ cảm nhận của mình về đoạn trích sau, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng

Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đánh đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh giặc, ...
(Trích Đất nước - Mặt đường khát vọng, Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 9

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 2:

- Lý do: công việc có nhiều biến cố...; công việc hiện tại: nhàm chán, “đồng nghiệp chỉ có một sếp và giám đốc kỹ thuật”, “không hề yêu môi trường” làm việc này, “nhận thấy ở đây không có tương lai, không động lực phấn đấu”.

Câu 3:

- 2 biện pháp tu từ: liệt kê, điệp từ

- Hiệu quả: Nhấn mạnh, làm rõ, cụ thể hơn tâm trạng “lo lắng”, “hoang mang”, “bế tắc” khi nhận thức rõ tình cảnh hiện tại của bản thân: không định hướng gì cho tương lai, không rõ mình muốn làm gì, không biết mình có nghề gì trong tay; và đang cố gắng thay đổi tình cảnh này.

Câu 4:

- Học sinh có thể tự do trình bày ý kiến của bản thân. Song, cần đảm bảo suy nghĩ đúng đắn, diễn đạt hợp lý.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau:

- “Tuổi trẻ” là tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người, đó là tuổi của những khát vọng, đam mê, sáng tạo, lối tư duy mở, có sự ham học hỏi nên nó sẽ là một mốc thời gian để tạo ra cơ hội, nắm bắt cơ hội và hiện thực hóa nó.

- “Cơ hội” là một hoàn cảnh hoặc điều kiện đặc biệt mà ta có được, nếu nắm bắt được cơ hội thì cuộc sống của chúng ta sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực.

=> “Tuổi trẻ trước những cơ hội mới” – tuổi trẻ cần nhạy bén để nhìn nhận, chủ động và nắm bắt và hiện thực hóa những cơ hội mới.

- Tuổi trẻ luôn khao khát thành công, khẳng định bản thân, muốn thử thách mình với những điều mới mẻ... vì thế đứng trước những cơ hội mới chính là một lần bạn đang thử thách giới hạn của bản thân. Đó là cách bạn trưởng thành, mạnh mẽ và tự tin hơn, tôi luyện mình trở nên nghị lực hơn – yếu tố không thể thiếu của người thành công.

- Nếu không nhạy bén trước những cơ hội mới, ta sẽ phải hối hận, tiếc nuối đã lãng phí tuổi trẻ và đặc biệt đánh mất những cơ hội để có được sự thành công.

- Khi đứng trước những cơ hội mới, bạn cần phân tích, đánh giá, nhìn nhận, đánh giá, lựa chọn xem cơ hội đó có phù hợp với năng lực, đáp ứng nguyện vọng của mình hay không,...

Câu 2:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau:

1. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ trẻ thời chống Mỹ. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam.

- Đất nước được trích từ phần đầu chương V của bản trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm – bản trường ca được sáng tác tại chiến trường Bình – Trị - Thiên năm 1971

- Giới thiệu về hai ý kiến bàn về hình tượng nhân dân qua cảm nhận về đoạn trích

2. Giải thích ý kiến:

- Vẻ đẹp nổi bật là vẻ đẹp gây ấn tượng mạnh, dễ nhận thấy, làm nên giá trị nổi bật cho đối tượng. Ý kiến thứ nhất khẳng định sự bình dị, gần gũi, thân thiết là vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân.

- Vẻ đẹp sâu xa là vẻ đẹp ẩn chìm, đòi hỏi phải có tri thức sâu rộng và chiêm nghiệm công phu mới khám phá được; vẻ đẹp sâu xa làm nên giá trị về chiều sâu tư tưởng cho đối tượng. Ý kiến thứ 2 nhấn mạnh: sự lớn lao, cao cả, phi thường là vẻ đẹp sâu xa của hình tượng nhân dân trong Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.

3. Cảm nhận về hình tượng nhân dân trong đoạn trích:

a. Cảm nhận về hình tượng Nhân dân:

- Vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân trong đoạn trích là sự bình dị, gần gũi, thân thiết:

+ Nhân dân hiện diện qua những người cụ thể như “anh”, “em”, “những người con gái, con trai bằng tuổi chúng ta”,... Hiện thân cụ thể của nhân dân còn là tình yêu đôi lứa giữa anh – em, tình cảm gia đình “Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói”, tình làng xóm “Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi”, tình cảm của thế hệ đi trước và thế hệ sau “Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái”,...

+ Nhân dân hiện lên trong những phương diện đời sống bình dị, đời thường: “khi cần cù làm lụng”, “nuôi cái cùng con”,... Những con người sống hay chết đều “Giản dị và bình tâm/Không ai nhớ mặt đặt tên”,...

- Vẻ đẹp sâu xa của hình tượng nhân dân trong đoạn trích là sự lớn lao, cao cả, phi thường:
 - + Nhìn về quá khứ rất xa để thấy được năm tháng nào cũng tiếp nối những “người người lớp lớp” luôn vừa cần cù làm lụng vừa đánh giặc cứu nước, bất chấp hi sinh, gian khổ, bất chấp trước bạo lực của kẻ thù “ Có giặc ngoại xâm chống ngoại xâm/ Có nội thù thì vùng lên đánh bại...”
 - + Họ gác lại những tình cảm riêng tư như tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng để đánh giặc cứu nước.
 - + Họ là tập thể những người anh hùng, không phân chia già trẻ, trai gái “Khi có giặc người con trai ra trận/ Người con gái trở về nuôi cái cùng con/ Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh”
 - + Họ là những người anh hùng bình dị, vô danh, họ đã sống và chết một cách giản dị và bình tâm, không ai nhớ mặt đặt tên.
 - + Họ tạo nên, giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau, mọi giá trị văn hóa tinh thần và vật chất của đất nước như: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói,...
- => Những suy nghĩ, phát hiện mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm trên nhiều phương diện về vai trò của nhân dân trong việc làm nên lịch sử và truyền thống dựng nước và giữ nước; khẳng định một chân lý mang tính thời đại “Đất nước của Nhân dân”

- Nghệ thuật:

- + Cảm xúc thơ chân thành, tha thiết
- + Giọng điệu tâm tình, có sự hòa quyện giữa chất trữ tình và chính luận
- + Hình ảnh thơ mộc mạc, giản dị, vừa gần gũi, quen thuộc vừa mang tính khái quát.
- + Thể thơ tự do, các biện pháp tu từ được vận dụng một cách linh hoạt.

b. Bình luận

- Mỗi ý kiến đều có tính khái quát, sâu sắc, nhấn mạnh một vẻ đẹp khác của hình tượng nhân dân. Nếu ý kiến thứ nhất khẳng định vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân là sự bình dị, gần gũi, thân thiết thì ý kiến thứ hai nhấn mạnh vẻ đẹp sâu xa của hình tượng này là sự lớn lao, cao cả, phi thường.
- Hai ý kiến tuy khác nhau nhưng không đối lập mà bổ sung cho nhau, hợp thành sự nhìn nhận toàn diện, thống nhất và mới mẻ về vẻ đẹp hình tượng nhân dân trong đoạn trích.

2.10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 9 số 10

TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

ĐỀ THI GIỮA HK1**NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 9****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****I. ĐỌC - HIỂU: (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“ ... Vua Quang Trung lại nói: - Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?”

(Trích Hồi thứ mười bốn “Hoàng Lê nhất thống chí” - Ngô gia văn phái)

Câu 1: Những lời trên là lời của vua Quang Trung nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào?**Câu 2:** Giải thích nghĩa của từ Phương lược.**Câu 3:** Lời nói của vua Quang Trung trong đoạn trích trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp hay cách dẫn gián tiếp? Vì sao?**II. LÀM VĂN: (7,0 điểm)****Câu 1: (2,0 điểm)** Từ đoạn trích trong phần Đọc - Hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (Khoảng 5-7 câu) nêu lên cảm nhận của em về vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ.**Câu 2: (5,0 điểm)** Dựa vào văn bản “Cảnh ngày xuân” (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du), hãy đóng vai Thúy Kiều kể về buổi đi chơi cùng các em nhân tiết Thanh minh.**HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10****MÔN: NGỮ VĂN 9****I. ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)****Câu 1: (1.0 điểm)**

- Đây là lời vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh: Sở, Lân và Ngô Thì Nhậm. (0,5 điểm)
- Hoàn cảnh: Vua Quang Trung kéo quân từ Phú Xuân ra đến Tam Điệp gặp hai vị tướng võ (Sở, Lân) và Ngô Thì Nhậm. (0,5 điểm)

Câu 2: (1.0 điểm) Phương lược: Phương hướng chiến lược

Câu 3: (1.0 điểm)

- Lời nói của vua Quang Trung trong đoạn trích trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp. (0,5 điểm)
- Dấu hiệu nhận biết: Nằm sau dấu hai chấm, có sử dụng dấu gạch ngang ở đầu lời dẫn. (0,5 điểm)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

a. Yêu cầu về hình thức: (1.0 điểm)

- Viết đúng một đoạn văn, đảm bảo số lượng từ 5 - 7 câu.
- Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

b. Yêu cầu về nội dung: (1.0 điểm)

- Nêu được cảm nhận về vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ: Là một vị vua yêu nước thương dân, có trí tuệ sáng suốt - sáng suốt trong việc dùng người, có ý chí quyết chiến quyết thắng và có tầm nhìn xa trông rộng...

Câu 2: (5.0 điểm)

a. Yêu cầu chung:

- Học sinh có kỹ năng làm một bài văn tự sự, kết hợp linh hoạt với yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm. Đặc biệt, học sinh cần dựa vào văn bản “Cảnh ngày xuân”, nhập vai Thúy Kiều để kể lại câu chuyện theo ngôi kể mới - kể theo ngôi thứ nhất.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; văn viết có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu cụ thể:

- * Nội dung trình bày: (3.5 điểm) Học sinh có thể kể theo nhiều cách, nhưng phải đảm bảo được các ý cơ bản sau:

- Thúy Kiều giới thiệu đôi nét bản thân và buổi du xuân của ba chị em trong tiết Thanh minh. (0,25 điểm)
- Kể về việc đi chơi trong buổi sáng mùa xuân, kết hợp miêu tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp: (1.0 điểm) + Thời gian thấm thoát trôi mau...
- + Miêu tả khung cảnh mùa xuân tuyệt đẹp trong buổi sáng mùa xuân.
- Kể và miêu tả khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh: (1.0 điểm)
- + Giới thiệu khái quát về các hoạt động lễ hội trong ngày Thanh minh.
- + Kể về việc tham dự hội du xuân đông vui, náo nhiệt cùng các nam thanh nữ tú, các tài tử giai nhân...
- + Kể về nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc ta qua phần lễ và hội. (Lễ tảo mộ và hội đạp thanh)
- Cảnh ba chị em du xuân trở về: (1.0 điểm)
- + Kết thúc lễ hội, ba chị em trở về trong bóng chiều đang xuống...
- + Miêu tả cảnh và người lúc tan hội...
- + Bộc lộ tâm trạng buồn lưu luyến, có thể xen lẫn dự cảm trong lòng về những việc sẽ xảy ra tiếp sau đó.
- Khái quát cảm xúc và suy nghĩ sau chuyến du xuân (0,25 điểm)
- * Hình thức trình bày: (1.0 điểm)
- Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự gồm 3 phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài (0,5 điểm)
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm)
- Sáng tạo: (0,5 điểm)
- + Có những chi tiết đặc sắc, mới mang nét riêng nhưng vẫn phù hợp với nội dung văn bản (0,25 điểm)
- + Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (0,25 điểm)